

Số: 2927/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 29 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia theo Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ và ban hành Chương trình phát triển sản phẩm của tỉnh, mỗi xã một sản phẩm đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 135/TTr-SKH-CN ngày 26/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia theo Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ và ban hành Chương trình phát triển sản phẩm của tỉnh, mỗi xã một sản phẩm đến năm 2030 (sau đây viết tắt là *Chương trình*) với nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021, Chương trình phát triển sản phẩm của tỉnh và mỗi xã một sản phẩm đến năm 2030.

Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ (KH-CN) trong việc hỗ trợ hình thành, phát triển và nâng hạng sản phẩm tỉnh, phát triển sản phẩm quốc gia. Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, có lợi thế, sản phẩm làng nghề.



2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2021 - 2025

Tiếp tục hỗ trợ nghiên cứu, phát triển mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh 02 sản phẩm quốc gia của tỉnh là Gạo, Tôm nước lợ và từ 03 sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, có lợi thế, sản phẩm làng nghề có trong danh mục Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh mục sản phẩm công nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025; Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Kiên Giang, và 01 sản phẩm quốc gia.

Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ tiên tiến, những thành tựu của cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư vào sản xuất, phát triển và nâng hạng các sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm (*sau đây viết tắt là OCOP*) của tỉnh từ 3, 4 sao lên 5 sao và giữ vững các sản phẩm đạt 5 sao.

b) Giai đoạn 2026 - 2030

Tiếp tục hỗ trợ nghiên cứu, phát triển mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh 02 sản phẩm quốc gia của tỉnh là Gạo, Tôm nước lợ và từ 04 sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, có lợi thế, sản phẩm làng nghề có trong danh mục Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, sản phẩm làng nghề và 01 sản phẩm quốc gia.

Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ tiên tiến, những thành tựu của cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư vào sản xuất, phát triển và nâng hạng các sản phẩm OCOP của tỉnh từ 3, 4 sao lên 5 sao và giữ vững các sản phẩm đạt 5 sao.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Thực hiện lựa chọn sản phẩm tỉnh, quốc gia từ các sản phẩm trọng điểm, ưu tiên, chủ lực của các ngành, lĩnh vực thế mạnh của tỉnh

a) Sản phẩm được lựa chọn phát triển đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đáp ứng theo danh mục các Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Sản xuất trên cơ sở ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ (KH&CN), có khả năng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

- Có quy mô lớn, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh cao, có khả năng mang lại giá trị xuất khẩu, có tác động lan tỏa, tích cực đối với phát triển kinh tế - xã hội hoặc quốc phòng - an ninh của tỉnh;

- Phát huy được các lợi thế về nhân lực, tài nguyên và điều kiện tự nhiên của tỉnh, phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của các ngành, lĩnh vực, trong tỉnh.

b) Sản phẩm được lựa chọn có lợi thế cạnh tranh, phục vụ hiệu quả cho quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế của tỉnh, các sản phẩm ưu tiên khác theo yêu cầu phát triển kinh tế của tỉnh và các địa phương.

2. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến phục vụ việc hình thành, phát triển và nâng hạng các sản phẩm OCOP của tỉnh và phát triển sản phẩm quốc gia

- Triển khai các nhiệm vụ KH&CN, chủ yếu là các đề tài, dự án, đề án KH&CN phục vụ hoàn thiện các quy trình kỹ thuật, dây chuyền công nghệ, phát triển nâng cao trình độ KH&CN sản xuất các sản phẩm chủ lực, đặc thù có lợi thế nhằm thúc đẩy hình thành, phát triển các sản phẩm OCOP; tác động để nâng hạng các sản phẩm OCOP của tỉnh; hình thành và phát triển sản phẩm quốc gia.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và các cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh tham gia chương trình phát triển sản phẩm OCOP, sản phẩm quốc gia đã được công nhận triển khai các nhiệm vụ KH&CN theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ tiên tiến nhằm sản xuất, phát triển bền vững và đủ năng lực tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu. Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức sản xuất sản phẩm quốc gia tham gia các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia.

- Triển khai các nhiệm vụ KH&CN phục vụ chương trình về nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ mới, công nghệ tiên tiến. Tăng cường ứng dụng công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hỗ trợ thử nghiệm, cải tiến, đổi mới, giải mã và phát triển công nghệ phục vụ sản xuất, hình thành và phát triển sản phẩm.

3. Hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh

Hỗ trợ tạo lập, quản lý, khai thác và phát triển sở hữu trí tuệ (SHTT) đối với các sản phẩm, hàng hóa chủ lực, sản phẩm hàng hóa đặc thù, có lợi thế của tỉnh và các sản phẩm OCOP thông qua đặt hàng và phê duyệt triển khai các nhiệm vụ KH&CN các cấp.

Hỗ trợ xác lập nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích; tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm, hàng hóa chủ lực, đặc thù, có lợi thế của tỉnh và các sản phẩm OCOP chưa được bảo hộ. Khai thác, quản lý và phát triển đối với các sản phẩm đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể.

Hỗ trợ tư vấn, hoàn thiện hồ sơ thành lập doanh nghiệp; hỗ trợ nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ; hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực.

Hỗ trợ chuyển đổi từ hộ kinh doanh: Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp; hỗ trợ đăng ký doanh nghiệp, công bố thông tin doanh nghiệp; hỗ trợ thẩm định, cấp phép kinh doanh lần đầu; hỗ trợ lệ phí môn

bài; hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán; hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp; hỗ trợ tiền sử dụng đất.

Hỗ trợ thực hiện thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới; hỗ trợ về ứng dụng, chuyên gia công nghệ; hỗ trợ về đào tạo, thông tin, xúc tiến thương mại, thương mại hóa; hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hỗ trợ cho nhà đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

4. Hỗ trợ tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

Hỗ trợ khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích được bảo hộ: Tập trung hỗ trợ theo chuỗi hoạt động từ nghiên cứu hoàn thiện quy trình, công nghệ, thiết kế, sản xuất thử nghiệm, sản xuất quy mô thương mại sản phẩm được bảo hộ hoặc ứng dụng quy trình, công nghệ được bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích.

Hỗ trợ hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực, đặc thù, có lợi thế, sản phẩm làng nghề, sản phẩm OCOP theo chuỗi giá trị; giới thiệu, quảng bá và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại cho các sản phẩm; mở rộng thị trường.

5. Thẩm định các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia và phê duyệt, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo thẩm quyền quản lý; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất bổ sung Danh mục sản phẩm quốc gia, các nhiệm vụ thuộc Chương trình này.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến

a) Tăng cường đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình vào danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở hàng năm. Ưu tiên đề xuất tham gia các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý hoặc các Bộ, cơ quan khác được giao quản lý.

b) Đẩy mạnh liên kết, hợp tác ngoài tỉnh, hợp tác quốc tế về KH&CN, tăng cường tư vấn của chuyên gia, sự hỗ trợ của tổ chức KH&CN có năng lực nhằm giải quyết những vấn đề KH&CN phức tạp. Hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu đủ năng lực tiếp thu, làm chủ, hoàn thiện và sáng tạo công nghệ mới phục vụ mục tiêu phát triển sản phẩm của tỉnh và sản phẩm quốc gia.

c) Ưu tiên bố trí đủ kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, kinh phí tìm kiếm thông tin, mua quyền sở hữu, quyền sử dụng và bí quyết công nghệ, thuê chuyên gia, tư vấn nước ngoài hỗ trợ phát triển sản phẩm của tỉnh và sản phẩm quốc gia.

2. Đẩy mạnh hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp điển hình sản xuất sản phẩm của tỉnh và sản phẩm quốc gia

a) Tăng cường triển khai các nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, dây chuyền công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng của sản phẩm quốc gia

và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm quốc gia tại thị trường trong và ngoài nước.

b) Triển khai các nhiệm vụ KH&CN có trọng tâm, trọng điểm, chủ yếu triển khai nhiệm vụ KH&CN theo chuỗi giá trị, gắn với ứng dụng công nghệ tiên tiến, những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với sản phẩm OCOP và sản phẩm quốc gia trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh nhằm hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, phát triển bền vững và đủ năng lực tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

c) Thực hiện chính sách ưu đãi về thuế, các ưu đãi về tín dụng, sử dụng đất và các ưu đãi khác theo quy định pháp luật đối với tổ chức, doanh nghiệp phát triển công nghệ tạo ra và hoàn thiện các sản phẩm OCOP và sản phẩm quốc gia.

3. Tăng cường hỗ trợ tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thực hiện hoạt động xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường sản phẩm của tỉnh hướng tới tham gia sản phẩm quốc gia

a) Phát triển các dịch vụ tư vấn xây dựng chỉ dẫn địa lý, xuất xứ hàng hóa, đăng ký bảo hộ SHTT, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến và hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

b) Tăng cường hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm của tỉnh và sản phẩm quốc gia được khuyến khích, ưu tiên mang sản phẩm tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế, các chương trình xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, xây dựng và phát triển nhãn hiệu thành các thương hiệu nổi tiếng.

4. Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp tham gia phát triển, sản xuất sản phẩm của tỉnh, quốc gia trong việc nâng cấp, đầu tư mới một số trang thiết bị kỹ thuật phục vụ hoạt động đo kiểm, thử nghiệm sản xuất theo quy định pháp luật.

5. Tăng cường đầu tư hỗ trợ hoạt động tạo lập, khai thác và phát triển bảo hộ SHTT đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, có lợi thế, sản phẩm làng nghề, sản phẩm OCOP của tỉnh và sản phẩm của doanh nghiệp

Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tham mưu đề xuất, đặt hàng và phê duyệt triển khai các nhiệm vụ KH&CN các cấp về tạo lập, quản lý, khai thác và phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, có lợi thế, sản phẩm làng nghề, sản phẩm OCOP của tỉnh và sản phẩm của doanh nghiệp.

Hàng năm tăng tỉ lệ đầu tư từ ngân sách nhà nước cho thực hiện các nhiệm vụ KH&CN về tạo lập, khai thác và phát triển bảo hộ SHTT đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, có lợi thế, sản phẩm làng nghề và các sản phẩm OCOP của tỉnh, khai thác và phát triển đối với một số sản phẩm chủ lực, đặc thù của tỉnh đã được bảo hộ quyền SHTT, góp phần thực hiện hiệu quả các

chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt là Chương trình OCOP của tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025.

Nâng cao hiệu quả công tác tư vấn, hướng dẫn năng lực bảo hộ SHTT đối với các tập thể, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn doanh nghiệp tạo dựng và khai thác hiệu quả các chỉ dẫn thương mại cho sản phẩm dịch vụ của mình; hỗ trợ đăng ký bảo hộ các chỉ dẫn địa lý tiềm năng.

6. Củng cố, phát triển các tổ chức kinh tế tham gia Chương trình

Hỗ trợ các đối tượng, chủ thể tham gia Chương trình phát triển tổ chức thông qua việc thành lập mới, kiện toàn các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng có sự tham gia của cộng đồng như thêm số thành viên, cổ đông, chuyển đổi loại hình cơ sở sản xuất thành hợp tác xã, doanh nghiệp.

Mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh đối với các hợp tác xã, doanh nghiệp có điều kiện và năng lực đưa vào sản xuất các sản phẩm mới trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm, khai thác tối đa điều kiện đất đai, cơ sở vật chất (nhà xưởng, thiết bị), nhân lực, nguyên liệu,... theo nhu cầu thị trường.

Đổi mới và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ trong và ngoài tỉnh.

7. Nâng cao trình độ nguồn nhân lực các doanh nghiệp về nghiên cứu, kỹ thuật, quản trị doanh nghiệp đủ năng lực ứng dụng, làm chủ các công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, kỹ năng quản lý thông qua các hoạt động triển khai các nhiệm vụ KH&CN và các chương trình đào tạo, tập huấn.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

- Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Chương trình: **31.000.000.000 đồng** (ba mươi một tỷ đồng), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: **3.000.000.000 đồng.**
- Ngân sách tỉnh: **15.500.000.000 đồng.**
- Nguồn vốn khác: **12.500.000.000 đồng.**
- + Giai đoạn 2021- 2025: **14.000.000.000 đồng.**
- + Giai đoạn 2026 - 2030: **17.000.000.000 đồng.**

(Có Phụ lục kèm theo).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức triển khai các nội dung của Chương trình xem xét, quyết định theo thẩm quyền các quy định pháp



luật liên quan đối với những nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển sản phẩm của tỉnh và tham gia sản phẩm quốc gia đến năm 2030.

b) Tổ chức quản lý Chương trình theo các quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ và tài chính đối với Chương trình; theo thẩm quyền, hàng năm, xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

c) Tổ chức sơ kết Chương trình vào năm 2025 và tổng kết Chương trình vào năm 2030.

2. Sở Tài chính: Hàng năm trên cơ sở các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình, kế hoạch, dự toán chi tiết do cơ quan, đơn vị gửi và khả năng cân đối ngân sách nhà nước Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí theo quy định hiện hành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân đăng ký thành lập doanh nghiệp theo quy định hiện hành. Hỗ trợ doanh nghiệp theo Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025.

4. Sở Công Thương: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất các nhiệm vụ hỗ trợ phát triển cho các sản phẩm công nghiệp, tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm về SHTT trên địa bàn tỉnh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, giao thương kết nối cung cầu, xây dựng quảng bá thương hiệu sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì xây dựng hình thành các loại sản phẩm chủ lực quốc gia trên cơ sở sản phẩm (OCOP), sản phẩm chủ lực của tỉnh và phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng các chương trình, kế hoạch ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản phẩm để phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm làng nghề và sản phẩm đặc thù có thế mạnh của tỉnh gắn với Chương trình (OCOP) nâng hạng phát triển thành sản phẩm quốc gia.

6. Sở Du lịch: Phối hợp với Sở KH&CN và các sở, ngành, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại hàng năm, quảng bá giới thiệu sản phẩm Kiên Giang, kết nối giao thương, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh với các thị trường trong và ngoài nước.

7. Các Sở, ban, ngành liên quan: Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Tuyên truyền phổ biến Chương trình đến người dân và doanh nghiệp, chủ động đề xuất, xây dựng các

dự án hỗ trợ cho các sản phẩm có lợi thế của địa phương. Đồng thời bố trí kinh phí hàng năm để hỗ trợ phát triển các sản phẩm chủ lực trên địa bàn.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

doe

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh (Đảng, CQ, đoàn thể, DNNN tỉnh);
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Liên hiệp các Hội KH và KT tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh;
- Chuyên viên nghiên cứu;
- Lưu: VT, nvthanh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Lưu Trung

Nguyễn Lưu Trung





Phụ lục 01: KHAI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Chương trình sản phẩm quốc gia, sản phẩm của tỉnh, mỗi xã một sản phẩm

theo Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ (giai đoạn 2021 - 2026)

Kèm theo Quyết định số: 2927/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Dự kiến kinh phí				Hình thức
					Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Nguồn khác	Tổng	
1	Kinh phí tuyên truyền triển khai, quản lý chương trình và chuẩn bị đầu tư				1.000			1.000	
2	Hỗ trợ quản lý và phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực, đặc thù, có lợi thế của tỉnh, đáp ứng theo danh mục các Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh, sản phẩm (OCOP) của tỉnh và sản phẩm của doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trong tỉnh	Kế hoạch hoặc dự án	03	3.000	4.500	0	4.500	9.000	Kế hoạch hoặc dự án
3	Đối ứng dự án tham gia sản phẩm quốc gia	Dự án	01	4.000	2.000	1.000	1.000	4.000	Dự án
	Tổng số (mười bốn tỷ đồng)				7.500	1.000	5.500	14.000	



Phụ lục 02: KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Chương trình sản phẩm quốc gia, sản phẩm của tỉnh, mỗi xã một sản phẩm

theo Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ (giai đoạn 2026 - 2030)

(Kèm theo Quyết định số: 2927/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Dự kiến kinh phí				Hình thức
					Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Nguồn khác	Tổng	
1	Kinh phí tuyên truyền triển khai, quản lý chương trình và chuẩn bị đầu tư				1.000			1.000	
2	Hỗ trợ quản lý và phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực, đặc thù, có lợi thế của tỉnh, đáp ứng theo danh mục các Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh, sản phẩm (OCOP) của tỉnh và sản phẩm của doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trong tỉnh	Kế hoạch hoặc dự án	04	3.000	6.000	0	6.000	12.000	Kế hoạch hoặc dự án
3	Đối ứng dự án tham gia sản phẩm quốc gia	Dự án	01	4.000	1.000	2.000	1.000	4.000	Dự án
Tổng số (mười bảy tỷ đồng)					8.000	2.000	7.000	17.000	